

THỬ PHÁC HOẠ CẤU TRÚC VĂN HOÁ CHĂM

PHAN VĂN DỐP^(*)

Người Chăm là một trong năm dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Mã Lai-Đa Đảo (Malayo - Polynesian) ở Việt Nam⁽¹⁾ có dân số khoảng hơn 100.000 người⁽²⁾. Cuối thế kỉ II sau Công nguyên, tổ tiên người Chăm đã thành lập quốc gia cổ đại Lâm Ấp (năm 192) trên địa bàn Trung và Nam Trung Bộ Việt Nam ngày nay⁽³⁾. Lâm Ấp sau đó được gọi là Hoàn Vương (thế kỉ VIII-IX) và từ giữa thế kỉ IX được gọi là Chăm-pa, trở thành một quốc gia hùng mạnh của khu vực. Trải qua nhiều biến động lịch sử, người Chăm, di duệ của chủ nhân vương quốc Champa xưa trở thành một thành phần trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và trong dòng chảy của lịch sử đó dẫn đến sự phân bố cư trú của họ trên hai địa bàn là Nam Trung Bộ (tại các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận) và Nam Bộ (tại các tỉnh Tây Ninh, Đồng Nai, Sông Bé, An Giang và Thành phố Hồ Chí Minh) của Việt Nam ngày nay. Ở mỗi địa bàn, trên cái nền văn hoá chung cũng hình thành những sắc thái văn hoá đặc thù như là những yếu tố thành phần của nền văn hoá Chăm nói chung⁽⁴⁾.

Cho đến nay có khá nhiều công trình giới thiệu về người Chăm⁽⁵⁾, trong bài viết này chúng tôi chỉ xin trình bày những suy nghĩ của mình về cấu trúc văn hoá Chăm, nghĩa là trên cái nôi môi trường sinh thái truyền thống của họ dưới tác động của lịch sử khu vực cũng như của chính người Chăm.

I. VĂN HOÁ CHĂM: PHỨC HỢP CÁC THỂ ỨNG XỬ VỚI NÚI - ĐỒNG BẰNG - BIỂN

Địa bàn cư trú lâu đời của người Chăm là các tỉnh ven biển Trung Bộ Việt Nam ngày nay, kéo dài từ Quảng Bình đến cực nam Trung Bộ, giáp với tỉnh Đồng Nai. Đó là một dãy các đồng bằng hẹp bị chia cắt bởi nhiều nhánh núi đâm ra biển, giới hạn bởi dãy Trường Sơn ở phía Tây và ở phía Đông bởi biển Đông (trên bản đồ thế giới thường gọi là biển Trung Hoa). Cư dân Chăm và có lẽ trước đó cư dân văn hoá Sa Huỳnh tất đã có những hoạt động khai thác, thích nghi với môi trường sinh thái với ba loại "địa hình chính" ấy, tạo ra

* TS. Trung tâm Nghiên cứu Dân tộc học và Tôn giáo. Viện Khoa học xã hội tại TP. Hồ Chí Minh.

1. Năm dân tộc thuộc nhóm Mã Lai - Đa Đảo ở Việt Nam là Chăm, Churu, Êđê, Giarai và Raglai.

2. Theo tổng điều tra dân số ngày 1/4/1989, dân số người Chăm ở Việt Nam là 98.971 người, xếp thứ 16 trong 54 dân tộc ở Việt Nam.

3. Xem thêm: - Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh. *Lịch sử Việt Nam*. Tập I. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983, tr. 284-333.

4. Còn một bộ phận dân cư Chăm đã đến cư trú ở Campuchia (quanh hồ Tonlesap, ở Phnôm Pênh, Kompong Cham...) từ thế kỉ XV trong dòng lịch sử kể trên.

5. Các công trình dân tộc học về người Chăm gần đây như:

- Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía Nam). Nxb KHXH, Hà Nội, 1984, tr. 251-265.

- Phan Xuân Biên (chủ biên). *Người Chăm ở Thuận Hải*. Sở Văn hoá Thông tin Thuận Hải xuất bản, 1989.

- Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp. *Văn hoá Chăm*. Nxb KHXH, 1991.

một thể ứng xử hay một nền văn hoá với 3 yếu tố: núi rừng-đồng bằng-biển. Giai đoạn cực thịnh nhất của Champa cho thấy họ định cư và canh tác lúa nước ở đồng bằng, tựa lưng vào núi và khai thác các sản vật quý hiếm của rừng núi và hướng ra biển với các hoạt động thương mại và cũng để đáp ứng yêu cầu "thống nhất" vương quốc hay của cộng đồng.

*** Canh tác lúa nước và yếu tố văn hoá nông nghiệp - đồng bằng.**

Người Chăm là cư dân nông nghiệp. Trên các đồng bằng hẹp ven biển kể trên họ đã đạt được một trình độ thâm canh cao và đã sớm canh tác được hai vụ trong năm. Lê Quý Đôn trong tác phẩm *Văn Đai loại ngữ* cho biết vụ lúa chín thứ hai vào mùa hè ở đồng bằng Bắc Bộ là do người Việt học được của người Chiêm Thành (Chăm), nên gọi là "lúa chiêm", cấy trước Tết và tháng Ba gặt⁽⁶⁾. Bên cạnh đó, không còn nghi ngờ gì về việc xưa kia người Chăm đã từng làm những công trình thuỷ lợi cho canh tác ruộng nước. Ở Gio Linh (Quảng Trị) có những di tích về những hồ chứa nước (lấy nước từ mạch nước chảy từ chân đồi ra) và một hệ thống kênh dẫn nước ra ruộng mà trước đây người ta cho là của người "Indonésien" thì đến nay đã được "chứng minh có sức thuyết phục rằng đó là hệ thuỷ lợi Champa"⁽⁷⁾. Còn ở phía cực Nam, trên địa phận hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận hiện vẫn còn nhiều hệ thống thuỷ lợi của người Chăm, cổ có, mới có⁽⁸⁾ đang cung cấp nước cho nhiều cánh đồng lúa nước của nhiều làng Chăm và Việt ở địa phương. Cũng cần lưu ý thêm là tỉnh Ninh Thuận, tỉnh có nhiều đồng bào Chăm nhất, là một trong những nơi có lượng mưa thấp nhất ở Việt Nam. Những hệ thống thuỷ lợi này đưa nước từ sông vào ruộng bằng cách ngăn dòng sông, tạo nên các đập nước và khai các mương nước

vào các cánh đồng. Trong số này có đập Nha Trinh là đập cổ lớn nhất và nổi tiếng nhất của người Chăm ở Ninh Thuận. Hệ thống thuỷ lợi Nha Trinh là một đập nước trên nguồn sông Dinh (hay sông Cái) và hai mương dẫn nước là mương Cái hay mương Chàm và mương Đục tương truyền rằng được xây dựng dưới thời vua PoKlong Garai. Hai mương nước này cung cấp nước cho nhiều cánh đồng của nhiều làng Chăm và Việt trên đồng bằng Phan Rang⁽⁹⁾. Đập Marên cũng tương đối lớn cung cấp nước cho các cánh đồng của khoảng bảy làng Chăm và Việt ở huyện Ninh Phước (Ninh Thuận). Hệ thống thuỷ lợi này gồm một đập trên sông Biêu (Ninh Phước, Ninh Thuận) và một mương nước dài khoảng 40 km tương truyền do vua Pô Rômê xây dựng vào nửa đầu thế kỉ XVII⁽¹⁰⁾...

Tương ứng với hoạt động nông nghiệp lúa nước lâu đời đó ở người Chăm đã hình thành những cơ sở thiên văn nông nghiệp, nông lịch, một hệ thống các lễ nghi nông nghiệp và những người quản lí mương-đập. Những điều này vẫn còn được duy trì và có một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống hàng ngày của

6. Bùi Huy Đáp. *Văn minh lúa nước và nghề trồng lúa Việt Nam*. Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội, 1985, tr. 22 và 24.

7. Trần Quốc Vượng. *Miền Trung Việt Nam từ văn hoá Bàu Tró-Sa Huỳnh đến văn hoá Champa hay là Bối cảnh và nền tảng địa-văn hoá miền Trung*. Bài tham luận tại Hội thảo khoa học về văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An, tổ chức tại Hội An, tháng 11 năm 1995.

8. Phan Ngọc Chiến. *Một số vấn đề kinh tế nông nghiệp ở vùng người Chăm tỉnh Thuận Hải*. Trong: *Người Chăm ở Thuận Hải*. Sở Văn hoá Thông tin Thuận Hải xuất bản, 1989, tr. 34-40.

9. Phan Ngọc Chiến. Sđd, tr. 38-39.

10. Phan Lạc Tuyên. *Nông nghiệp cổ truyền của đồng bào Chăm Thuận Hải*. Trong: *Những vấn đề dân tộc học ở miền Nam Việt Nam*, tập II, quyển 2, Ban Dân tộc học, 1978, in rônéo, tr. 30.

người Chăm cho đến hiện nay. Có thể chọn một vài ví dụ tiêu biểu sau đây:

- Là khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa nên nông lịch của họ cũng gắn liền với chu kỳ gió mùa. Theo nông lịch của họ thì tháng Giêng là khoảng tháng 4 / tháng 5 dương lịch cũng là lúc bắt đầu có gió mùa Đông Nam và theo kinh nghiệm dân gian của người Chăm thì tháng 2 (khoảng tháng 5 / tháng 6) là có mưa.

- Cầu đảo (Plao pasah) là một trong những lễ quan trọng của người Chăm, được tổ chức trong 2 ngày vào tháng đầu năm, trong nghi thức lễ, người ta còn thấy dấu vết của tín ngưỡng phồn thực qua điệu múa của Bà Bống (Muk Pajou)⁽¹¹⁾ với đạo cụ là 3 cây nõ nường (sinh thực khí nam).

- Một hệ thống các lễ nông nghiệp gắn với thời vụ và liên quan đến chu kỳ tăng trưởng của cây lúa, gồm tuần tự các lễ sau: lễ dựng chòi cày (để nông cụ và cột trâu, chuẩn bị cho việc làm đất), lễ cúng thần ruộng (khi lúa cấy bắt đầu xanh và ra nhánh), lễ cúng lúa chửa (khi lúa bắt đầu có bông), lễ rước lúa về nhà... Những lễ này chủ yếu do các ông Cai đập (Ôn Binuk-người phụ trách việc thủy lợi) và hoặc Ôn Hamu Ia, đều là các chủ lễ trong các lễ nông nghiệp thực hiện.

* Biển và yếu tố biển

Đã từng có ý kiến rằng người Chăm vốn là cư dân chỉ thạo và chuyên nghề đi biển, đánh cá. Tuy nhiên, cũng nên khẳng định rằng họ thạo và chuyên đi biển nhưng không chỉ có thạo và chuyên đi biển, đánh cá, càng không phải chuyên nghề cướp biển,... mà còn có một truyền thống nông nghiệp phát triển sớm như vừa được trình bày và sẽ còn được chứng minh ở những phần sau nữa. Trên các đồng bằng hẹp như được biết ở trên thì

chắc chắn rằng người Chăm phải hướng ra biển. Biển có vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của người Chăm và yếu tố biển cũng tương tự như vậy trong văn hoá Chăm. Là những người đi biển nên tín ngưỡng thờ cá "Ông" (cá voi) trở nên rất phổ biến mà về sau đã lan truyền sang người Việt ven biển Trung Bộ và Nam Bộ. Hoặc có mối liên hệ sâu xa nào đó với biển mà trong lễ cưới của người Chăm ở Ninh Bình Thuận, trong số các lễ vật bắt buộc phải có cá đuối. Và, như trình bày ở trên, nằm trong khu vực gió mùa, đối với người Chăm biển cũng mang mưa cho nông nghiệp nên không phải vô cớ mà nơi tổ chức lễ cầu đảo là các cửa sông hay ở bờ biển (như Cà Ná)... Điều đáng chú ý là trong lễ cầu đảo có sự phối hợp giữa các tu sĩ đạo Hindu, đạo Bàni (một biến thể địa phương của Hồi giáo ở người Chăm và các thầy lễ dân gian khác...).

Ở khía cạnh khác, biển còn đóng vai trò quan trọng hơn những gì mà chúng ta vừa mới nêu đối với lịch sử phát triển của người Chăm. Khoảng thế kỉ I sau CN con đường biển thông thương giữa Ấn Độ và Nam Trung Quốc qua eo biển Malacca - cũng là qua khu vực Đông Nam Á - đã được hình thành và vào thế kỉ II đã thật sự phát triển mạnh theo sự phát triển của ngành hàng hải Ấn Độ và hoạt động thương mại khá rầm rộ của các thương buôn người Ấn Độ vào Đông Nam Á và Nam Trung Quốc. Người Ấn Độ đã gọi

11. Ban tế lễ của lễ Plao pasah gồm:

- Ôn Duon: thầy lễ, người đọc các lễ ca, đồng thời là nghệ nhân sử dụng trống baranung (trống một mặt) và trống ginang;
- Ôn Kaing: người múa lễ (nam) cũng có thể hát lễ ca;
- Ôn Kadhar: thầy lễ, người kéo đàn nhị (kanhi) và hát lễ ca trên các tháp;
- Muk Pajou: bà Bống, người phụ nữ múa lễ tại các tháp.

người Đông Nam Á là "xứ vàng" (họ cũng dùng từ này để chỉ bán đảo Mã Lai nơi có "cửa ngõ" - eo Malacca) nghĩa là nơi có nhiều vàng, nhiều hàng hoá hay với ngụ ý là vùng trù phú cho hoạt động thương mại⁽¹²⁾.

Sự mở cửa đầu tiên của Đông Nam Á ở eo biển Malacca khiến cho nó tiếp nhận mạnh mẽ hơn hai nền văn minh Ấn Độ và Trung Hoa. Đối với cư dân Chăm ở ven biển Trung Bộ Việt Nam thời bấy giờ thì đó còn tạo nên một lực hấp dẫn mới hướng ra biển. Giao lưu nội bộ nhờ đó mà được tăng cường hơn và thúc đẩy hơn nữa tiến trình hợp nhất về nhiều mặt giữa các trung tâm và cuối cùng là sự đồng nhất trong văn hoá giữa các địa phương. Một kết quả khác là văn minh Ấn Độ được thu nhận và dần dà trở thành một bộ phận hết sức quan trọng của văn hoá Chăm. Những chuyển biến tích cực đó đã tích được cho cư dân Chăm một nguồn lực lớn lao cho cuộc đấu tranh chống lại sự cai trị có lẽ không thật vững chắc của nhà Hán và hình thành nhà nước độc lập của mình. Cũng trong chiều hướng đó mà về sau văn minh Hồi giáo đã được tiếp nhận và được cải biên để trở thành một bộ phận của văn hoá Chăm. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này ở một mục khác để có thể tiếp tục phân tích những tác động trực tiếp của biển hay việc hướng ra biển của người Chăm.

Khi con đường thương mại qua eo biển Malacca mở ra và sau đó không ngừng được phát triển thì biển không chỉ tạo ra cho người Chăm hoạt động ngoại thương mà cũng đồng thời kích thích các hoạt động kinh tế vốn có của họ như nông nghiệp, thủ công nghiệp, khai thác lâm sản... tăng cường lên. Đó chắc chắn là những giai đoạn mà nghề đóng thuyền có cơ hội để phát triển hơn nữa (trước đó có

lẽ chỉ mới phục vụ cho việc đánh bắt không xa bờ lắm cũng như cũng chỉ để vận chuyển, đi lại vượt các rừng núi đâm ngang ra biển để nối liền các trung tâm - các đồng bằng "nội bộ" của vương quốc). Trên các đồng bằng nhỏ hẹp vốn đã hình thành và phát triển các khu dân cư mà về sau phát triển thành những trung tâm kinh tế - chính trị của vương quốc Champa, trong số đó Hội An (Quảng Nam), Nha Trang (Khánh Hoà)... cũng là những cảng thị được biết đến của Champa. Các cảng thị ấy kéo theo nó nhiều hoạt động kinh tế kể các hoạt động dịch vụ (như cung cấp nước ngọt cho các thuyền buôn nhờ các "giếng Chăm", thường rất ngọt và ít khi cạn kiệt vào mùa khô. Theo GS. TS. Sakurai Yumlo (GS. Đại học Tokyo) thì ngay từ thế kỉ II, Lâm Ấp đã đóng vai trò trạm trung chuyển hàng hoá giữa Phù Nam đến Nam Trung Quốc và vào thế kỉ VI đã trở thành là một trung tâm thu gom lâm sản⁽¹³⁾.

*** Canh tác ruộng khô, khai thác lâm thổ sản và yếu tố văn hoá núi**

Loại ruộng khô hay sơn điền (hamu rilon) là loại ruộng cao ở chân đồi, chân núi, canh tác hoàn toàn nhờ vào nước trời (nước mưa) và có những giống lúa riêng thích hợp cho loại ruộng này⁽¹⁴⁾. Việc canh tác rẫy theo lối chặt đốt hiện không còn ở người Chăm nhưng vào đầu thập niên 20 của thế XX này tác giả Jeanne Leuba cho biết người Chăm vẫn còn canh tác theo lối này trên vùng rừng núi, một đám rẫy

12. Majumdaar, R.C. Sdd, tr. 4.

13. Sakurai Yumlo. *Thử phác dựng cấu trúc lịch sử của khu vực Đông Nam Á (thông qua mối quan hệ giữa biển và lục địa)*. Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 4/1996, tr. 43-44.

14. Phan Lạc Tuyên. Sdd, tr. 6.

canh tác trong vài ba năm rồi bỏ⁽¹⁵⁾. Các đám ruộng khô ở vùng đồi, chân núi hay

trên các đám rẫy chặt đốt sau khi bị bạc màu không thể canh tác lúa được chuyển thành một loại "vườn" có chức năng như "vườn nhà" trên đó trồng đủ các loại rau, bầu bí và cả cây ăn trái mà vì phong tục tập quán nên họ không trồng ở quanh nhà như nhiều dân tộc khác ở Việt Nam.

Vùng rừng núi phía Đông Trường Sơn vốn là nguồn tài nguyên vô cùng phong phú và quý giá với nhiều loại gỗ tốt, thú quý hiếm, dược liệu, hương liệu... Tựa lưng vào rừng núi, người Chăm đã khai thác nguồn tài nguyên rất được các thương buôn Ấn Độ và Hồi giáo ưa thích này. Cũng là tựa lưng vào núi, người Chăm từng tổ chức các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập, nhất là trong cuộc chiến tranh chống Mông Nguyên của Thái tử Harijit vào năm 1283-1284. Không chỉ trực tiếp khai thác, thu mua, trao đổi với các dân tộc miền núi, người Chăm, nhất là sau khi hình thành nhà nước Champa, còn bắt các dân tộc này cống nạp. ...

Yếu tố núi còn có một ý nghĩa sâu xa hơn trong sự hình thành hay hợp nhất của cộng đồng tộc người Chăm. Nếu như trước đây người ta vẫn thường nói đến hai bộ lạc thành phần của người Chăm là bộ lạc Cau và bộ lạc Dừa thì trong những khảo sát thực tế của chúng tôi và nhiều đồng nghiệp khác, người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận đều cho biết họ thuộc hai dòng Núi và dòng Biển (Atâu Chok và Atâu Tathih). Sự phân biệt giữa hai dòng chỉ còn được biết qua các nghi thức cúng tổ tiên được tổ chức theo lệ vài năm một lần hoặc khi trong họ có người van vái mà trong một vài trường hợp cũng để tấn phong Muk Rija tức tấn phong người phụ nữ đảm nhận việc thực hiện các nghi thức cúng ông bà tổ tiên, trong đó đặc biệt có việc múa lễ⁽¹⁶⁾ (Rija prông vì vậy có nghĩa là lễ múa lớn của dòng họ).

II- VĂN HOÁ CHĂM VỚI TẢNG NỀN VĂN HOÁ NAM Á

Không còn nghi ngờ gì đến các yếu tố văn hoá biển, nền tảng của văn hóa Chăm, một cư dân Mã Lai-Đa Đảo. Bên cạnh đó những khám phá gần đây cho thấy khu vực Đông Nam Á từ thời cổ đại đã là một khu vực lịch sử với những nét văn hoá riêng so với Ấn Độ và Trung Quốc. Đặc điểm cơ bản là yếu tố nông nghiệp lúa nước chịu ảnh hưởng của gió mùa và từ đó đã dẫn đến những nét văn hoá đặc thù khác. Nền văn hoá này thường được gọi là văn hoá Nam Á mà chủ nhân của nó là các dân tộc thuộc các dòng ngôn ngữ Nam Á và Nam Đảo... trong đó có tổ tiên của người Chăm. Những nét văn hoá được biết đến của nền văn hoá Nam Á như nông nghiệp lúa nước, nuôi trâu, ăn mắm, ở nhà sàn (còn phổ biến ở người Chăm tại An Giang, Tây Ninh nhưng chỉ còn lại một vài dấu vết ở người Chăm tại Ninh Thuận, Bình Thuận), mặc váy kiểu xà rồng, ăn trầu, nhuộm răng, tín ngưỡng và lễ nghi nông nghiệp liên quan đến chu kỳ gió mùa, quan niệm hồn lúa... Tất nhiên, trong nền văn hóa Nam Á chung đó, các yếu tố văn hóa của cư dân Mã Lai-Đa Đảo cũng là những thành phần hết sức quan trọng tạo nên sắc thái đặc thù của văn hóa Chăm. Chúng ta có thể kể đến một vài

15. Leuba J, Une Royaume disparu: Les Chams et leur art. Dẫn lại trong: *Minority Groups in the Republic of Vietnam*. Headquarters, Department of the army, 1966, tr. 907.

16. Nguyễn Xuân Nghĩa. *Một số tư liệu về quan hệ văn hoá Chăm, Raglai Thuận Hải và các dân tộc miền núi Nam Tây Nguyên*. Trong: *Người Chăm ở Thuận Hải*, tr. 238-239.

điểm tiêu biểu như trong lễ nghi nông nghiệp, bên cạnh các lễ nghi liên quan

đến sự tăng trưởng của cây lúa là hệ thống các lễ liên quan đến thuỷ lợi, cầu đảo tại cửa sông, lễ chặn nguồn (ngăn lũ lụt)...⁽¹⁷⁾.

Những phát hiện mới nhất về Văn hóa Sa Huỳnh trên địa bàn các tỉnh ven biển miền Trung, địa bàn mà sau đó khoảng đầu CN trở thành địa bàn cư trú của người Chăm và tiếp đó là lãnh thổ của vương quốc Champa. Các nhà khảo cổ học Việt Nam đã tìm thấy những dấu vết của một sự nối kết Văn hoá Sa Huỳnh với văn hoá Chăm, giai đoạn Sa Huỳnh muộn - Tiền Chăm, đồng thời cũng tìm thấy những dấu vết của văn hoá Đông Sơn trong văn hóa Sa Huỳnh nhất là ở Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên. Tuy nhiên để có một kết luận chắc chắn hơn, cần phải có nhiều phát hiện khác nữa mới có thể nói đến nguồn gốc xa xưa hơn của người Chăm là cư dân Văn hoá Sa Huỳnh và có nhiều quan hệ với Văn hóa Đông Sơn.

III- NHỮNG YẾU TỐ VĂN MINH ẤN ĐỘ

Hướng ra biển như đã đề cập ở trên cho người Chăm những cơ hội tiếp xúc với nhiều nền văn minh thế giới mà trước nhất là văn minh Ấn Độ. Văn minh Ấn Độ đã bắt đầu đến Đông Nam Á từ đầu CN và đến thế kỉ II sau CN đã thấy có những ảnh hưởng quan trọng đối với Lâm Ấp qua bia Võ Cạnh được viết bằng chữ Phạn (Sancrit). Đối với Lâm Ấp không phải chỉ có các thương buôn Ấn Độ đến đây buôn bán mà còn có các tăng lữ và tu sĩ của đạo Hindu và đạo Phật đến và có lẽ còn có các di dân người Ấn Độ đến đây sinh sống và tích cực truyền bá nền văn minh của họ với cư dân Chăm địa phương. Các vương triều Champa từ khi lập quốc cho mãi về sau có một vai trò hết

sức quan trọng trong việc đưa nền văn minh Ấn Độ thâm nhập sâu rộng vào cư dân Chăm. Tên vương quốc là Champa và tộc danh Chăm mang âm hưởng Ấn Độ (mà ý nghĩa của nó được giải thích một cách khác nhau)⁽¹⁸⁾. Dấu ấn của văn minh Ấn Độ quan trọng với đạo Hindu, đạo Phật, chữ Sancrit, văn học v.v... Trong đạo Hindu, đạo Phật còn phải kể đến các công trình kiến trúc, các tác phẩm điêu khắc,... hết sức độc đáo và đáng khâm phục. Về chữ viết thì như chúng ta đã biết, sau một thời gian dài sử dụng chữ Sancrit, người Chăm đã dựa trên mẫu tự Sancrit để sáng tạo nên một hệ thống chữ viết riêng cho mình và qua nhiều giai đoạn cải cách, chữ Chăm truyền thống đó vẫn còn được sử dụng cho đến ngày nay và hiện được đưa vào chương trình giảng dạy ở bậc tiểu học tại các trường có đông học sinh Chăm vùng Ninh Thuận, Bình Thuận.

Các vị vua Champa tỏ ra là những người sùng đạo và chính nhờ họ mà nhiều công trình tôn giáo đã được xây dựng đặc biệt với Mỹ Sơn (một trong những di tích được xem là di sản văn hóa của nhân

17. Nguyễn Xuân Nghĩa, Phan Văn Döpf. *Vài suy nghĩ về văn hoá Chăm trong bối cảnh văn hoá Việt Nam*. Trong: *Một số vấn đề về phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số*. Nxb Văn hoá Dân tộc, 1987, tr. 222-223

18. Từ Champa có tác giả giải thích là tên của một loài hoa (hoa sứ hay hoa đại) và cũng có thể liên quan đến một địa danh ở Đông Bắc Ấn Độ. Tác giả Majumdar thì giải thích rằng trung tâm của Tượng Lâm (Quảng Nam ngày nay) nơi sau đó được xây dựng kinh đô Trà Kiệu được người Chăm gọi theo âm hưởng Ấn Độ là Chapanageri hay Champa-pura hoặc một cách đơn giản là Champa. Có lẽ vì vậy mà tên vương quốc được gọi chính địa vực hình thành ban đầu của Lâm Ấp. Tên tộc danh Chăm có lẽ cũng xuất phát từ đó.

loại), Đồng Dương, Nha Trang... Đạo Hindu ở người Chăm qua nhiều cứ liệu

(kiến trúc, điêu khắc, tôn hiệu nhà vua...) cho thấy sự ưu thắng của khuynh hướng thờ Siva nhưng không loại trừ việc thờ Visnu, Brahma và cả Phật giáo. Nhiều chứng cứ cho thấy một vị vua đồng thời tôn sùng cả Siva lẫn Visnu hoặc Siva với Đức Phật. Ở đây cần lưu ý thêm một điều là trong tiến trình phát triển của đạo Hindu ở người Chăm, một tinh thần sớm được biết từ thế kỉ VI với vua Bhadravarman, người đầu tiên cho xây dựng Mỹ Sơn để thờ Siva, đã khởi xướng cách gọi tên ngôi đền hay vị thần được thờ trong ngôi đền - cũng là thần bảo hộ của nhà vua hay của vương quốc gắn với tên mình và tinh thần này được nhiều vị vua về sau noi theo. Chúng ta cũng biết rằng tên Sanskrit của nhiều vua Champa gắn với thần hiệu, nhất là thần hiệu của Siva và Visnu (Rudra: tên Vệ Đà của Siva, Bhrahma cũng là thần hiệu của Siva, Hari gắn với thần hiệu Visnu...). Người ta cũng biết việc nhà vua và hoàng hậu được so sánh với thần và Sakti của thần. Chính các yếu tố kể trên dần dần đưa tới việc thần hoá vị vua, đồng thời vua với vị thần bảo hộ của ông ta cũng như đồng hoá hoàng hậu với Sakti của thần. Càng về sau, tinh thần này càng được củng cố và thể hiện rất rõ trong tháp Pô Klong Garai và tháp Pô Rômê (Ninh Thuận). Riêng nữ thần xứ sở Pô Inư Nagar - Nữ thần của thần thoại hình thành dân tộc Chăm được đồng hoá với Bahagavati hoặc Uma - những Sakti (vợ hay nữ căn) của Siva được thờ tại tháp Pô Nagar ở Nha Trang và về sau được di dời về thờ tại làng Hữu Đức (xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận). Ngày nay người Chăm theo đạo Hindu ở Ninh Thuận, Bình Thuận chủ yếu thực hiện các cuộc tế lễ tại tháp Pô Klong Garai, Pô Rômê, nữ thần Pô Inư Nagar,

như truyền thống vừa nêu, thì đó là sự kết hợp của việc thờ các vị "Vua" (và các "Hoàng Hậu") với các "Thần" (và "Sakti") của Thần. Nhưng cuối cùng dường như trong dân gian, kể cả các thầy Bà La Môn, người ta hiện tin một điều rằng họ đang thờ các vị vua-anh hùng dân tộc chứ không phải thờ Siva.

Một điểm khác có lẽ cũng cần phải nói là mặc dù chịu ảnh hưởng sâu đậm của đạo Hindu, nhưng ở Champa qua các cứ liệu lịch sử, thật sự không tồn tại chế độ đẳng cấp đúng nghĩa như ở Ấn Độ và trong bối cảnh đó, tầng lớp tăng lữ Bà La Môn tuy rất được kính trọng nhưng không phải vì vậy mà có địa vị vượt lên trên đẳng cấp quý tộc. Tuy nhiên, tầng lớp Bà La Môn (được gọi Pasêh) cũng rất được kính trọng và có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận¹⁹.

Với tôn giáo - đạo Hindu và đạo Phật - trong dòng văn minh Ấn Độ đến Champa thật sự đã mang đến đây nhiều yếu tố mới cho sự sáng tạo nghệ thuật Champa. Những đền tháp Chăm tuy quy mô không lớn và với chất liệu chủ yếu là gạch nhưng rất hoàn chỉnh và rất độc đáo. Cùng với kiến trúc là các tác phẩm điêu khắc, trong đó, tuy điêu khắc tượng thần chiếm một tỉ lệ quan trọng, nhưng nghệ nhân Champa đã không vì vậy mà làm giảm đi tính sáng tạo của mình. Cũng cần nói thêm rằng, trong điêu khắc biểu tượng của Siva là linga và mukhalinga, một điều rõ ràng là với lòng tôn sùng Siva, nghệ thuật điêu khắc Champa đã

19. Về đạo Hindu ở người Chăm, xin dẫn thêm: Phan Văn Döpf. *Tôn giáo của người Chăm ở Việt Nam*. Luận án Phó tiến sĩ Khoa học Lịch sử, 1993.

tạo nên những tác phẩm sắc sảo hơn so với ở chính bản quốc...

Như vậy có thể nói rằng, các yếu tố của nền văn minh Ấn Độ có tầm quan trọng đặc biệt trong văn hóa Chăm, nhưng như đã trình bày, nó đã được cải biến để hoà hợp trong nền văn hóa Chăm.

VI- NHỮNG YẾU TỐ VĂN MINH HỒI GIÁO

Từ thế kỉ X, người Chăm đã bắt đầu tiếp xúc với các thương buôn Hồi giáo mà trong đó có thể có không ít những thương buôn Hồi giáo Ấn Độ. Đến thế kỉ XII-XIII Hồi giáo đã thật sự chiếm được vai trò ưu thắng tại nhiều nơi ở Đông Nam Á hải đảo. Thế nhưng phải đợi đến thế kỉ XIV mới có một cộng đồng tín đồ Hồi giáo Chăm mặc dù trước đó Hồi giáo cũng đã có những ảnh hưởng nhất định đến triều đình Champa⁽²⁰⁾.

Ngày nay ở người Chăm có hai nhóm Hồi giáo, một nhóm ở các tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận tự gọi là Bani mà trong cách thực hành đức tin còn duy trì nhiều yếu tố phi Hồi giáo. Và nhóm thứ hai ở các tỉnh Nam Bộ, thực hiện đức tin một cách chính thống hơn.

Về mặt cư trú thì người Chăm cư trú tập trung thành từng làng (paley). Cư dân mỗi làng thuộc một tôn giáo khác nhau. Trong mỗi làng Chăm Bani đều có một ngôi thánh đường (gọi là thang mưgik) với lối kiến trúc riêng không mang dáng dấp của các thánh đường Hồi giáo trên thế giới và của khu vực. Nét đặc thù của đạo Bani là sự hình thành một tầng lớp tu sĩ được gọi là Pô Char, có y phục riêng, gìn giữ nhiều kiêng kị. Một đặc điểm khác là tín đồ và tu sĩ đạo Bani không làm lễ 5 lần mỗi ngày, không nhịn ăn vào ban ngày trọn tháng Ramadan (họ gọi là Ramưwan) mà chỉ có các tu sĩ nhịn ăn trong 3 ngày đầu tháng... Chúng tôi

xem đây là một biến thái có tính địa phương của Hồi giáo ở người Chăm Nam Trung Bộ. Lí giải cho đặc điểm này có lẽ phải nói ngay đến tình trạng suy yếu của Champa và tình trạng chiến tranh liên miên vào các thế kỉ XIV - XV. Và, sau sự kiện 1471, mặc dù vương quốc Champa chưa phải đã bị mất đi nhưng đã không còn phần lãnh thổ phía Bắc với các cảng thị một thời hưng thịnh. Champa giờ đây không còn điều kiện lẫn cơ hội cho con đường hướng biển như trước đó, mặc dù vào giai đoạn này hoạt động thương mại chưa lùi bước lắm trước phương Tây. Hay nói một cách khác, sau khi có một bộ phận cư dân theo Hồi giáo, Champa không còn cơ hội để tiếp xúc thường xuyên với thế giới Hồi giáo kể cả Hồi giáo Đông Nam Á. Chính trong bối cảnh đó đã tạo nên một Hồi giáo Bani. Tuy nhiên cũng phải nói thêm ở đây rằng, đạo Bani cũng còn là kết quả của tinh thần hỗn dung văn hoá, của tinh thần bản địa hoá của nội lực văn hoá Chăm⁽²¹⁾.

Nhóm Hồi giáo Chăm ở Nam Bộ như đã nêu ở trên, thực hiện đức tin một cách chính thống hơn. Họ là di duệ của những người Chăm chạy lánh nạn sang Campuchia trong nhiều đợt từ thế kỉ XV. Tại Campuchia họ cùng chung sống với những người Mã Lai, Indonesia và từ sự tiếp xúc đó đã giúp cho họ tiếp xúc trở lại với Hồi giáo. Ở Campuchia, dưới tác động của những biến cố lịch sử tại đó, họ đã về sinh sống dọc sông Hậu (vùng Châu Đốc tỉnh An Giang ngày nay) từ giữa thế kỉ

20. Maguin, P.Y. *L'introduction de L'Islam au Champa*. Trong BEFEO, LXVI, 1979, tr. 255-287.

21. Phan Văn Dớp. Sđd, tr. 105-122.

XVIII đến giữa thế kỉ XIX. Bộ phận người Chăm ở Campuchia còn trở về Việt Nam trong những năm gần đây (1972, 1978,

1980). Nhóm người Chăm cho tới giữa thế kỷ này chỉ cư trú tại Châu Đốc và Tây Ninh, nhưng sau đó đã di chuyển đến thành phố Hồ Chí Minh (nơi có những người Hồi giáo Ấn Độ, Mã Lai, Indonesia...), và Đồng Nai, Sông Bé trong những năm sau khi Miền Nam được giải phóng. Trong cộng đồng người Chăm ở Nam Bộ, yếu tố văn hóa Hồi giáo đã thật sự chiếm vai trò ưu thắng.

V- NGƯỜI CHĂM: MỘT THÀNH PHẦN DÂN TỘC TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ SỰ GIAO LƯU VĂN HÓA TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC VIỆT NAM

Người Chăm hội nhập vào cộng đồng dân tộc Việt Nam dưới tác động của dòng lịch sử hết sức phức tạp với không ít tổn thất. Nhưng lịch sử đã trải qua một chặng đường tương đối dài và đến nay đã bước sang trang mới với sự chung sống giữa người Việt và người Chăm cùng các quan hệ giao lưu nhiều mặt ngày càng diễn ra một cách mạnh mẽ hơn. Trên

Nam vốn đã có nhiều nét tương đồng từ nền văn hoá Nam Á. Và, với tư cách là một thành phần trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, sự giao lưu mọi mặt diễn ra thật dễ dàng bởi sự cư trú lân cận và quan hệ hôn nhân; người ta dễ dàng nhận thấy những nét văn hóa Chăm trong người Việt hay tương tự, yếu tố văn hóa Việt trong người Chăm...

Tóm lại, trong tiến trình lịch sử lâu dài, trên môi trường sinh thái truyền thống Nam Trung Bộ của Việt Nam, văn hoá Chăm là một phức hợp phản ánh thế ứng xử của một cộng đồng cư dân Mã Lai-Đa Đảo vốn có chung nền tảng văn hoá Nam Á với các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Trên môi trường sinh thái núi-đồng bằng-biển và trong xu thế mở, hướng về biển, văn hoá Chăm đã tiếp nhận các yếu tố văn minh Ấn Độ và văn minh Hồi giáo. Phức hợp văn hoá Chăm với các yếu tố kể trên thể hiện rõ từ thế kỷ XIV đến XVII và sau đó tiếp tục trong dòng văn hoá chung của văn hoá Việt Nam đa dân tộc./.

khía cạnh văn hoá, như đã nêu, giữa người Chăm với người Việt và nhiều dân tộc khác trong cộng đồng dân tộc Việt